

BÀI TẬP GIÁO KHOA

Thầy giáo : Nguyễn Quốc Tùng

TOÁN

9

Bài **20**

ĐỊNH LÍ VIỆTE VÀ ỨNG DỤNG

Bài 1

Phương trình $x^2 - 5x + 4 = 0$ có các hệ số $a = 1, b = -5, c = 4$.

Theo Định lý Vi-ét, tổng các nghiệm là $S = x_1 + x_2 = \frac{-b}{a} = \frac{-(-5)}{1} = 5$.

Tích các nghiệm là $P = x_1 x_2 = \frac{c}{a} = \frac{4}{1} = 4$.

Bài 2

Để phương trình có hai nghiệm phân biệt, ta cần $\Delta' = (m+1)^2 - (m^2 + 2) > 0 \Leftrightarrow 2m - 1 > 0 \Leftrightarrow m > \frac{1}{2}$.

Theo Vi-ét, $x_1 + x_2 = 2(m+1)$.

Theo đề bài $x_1 + x_2 = 10 \Rightarrow 2(m+1) = 10 \Rightarrow m+1 = 5 \Rightarrow m = 4$ (thỏa mãn điều kiện).

Bài 3

Phương trình $x^2 - 3x - 7 = 0$ có $x_1 + x_2 = 3$ và $x_1 x_2 = -7$.

Ta có $A = x_1^2 + x_2^2 = (x_1 + x_2)^2 - 2x_1 x_2$.

Thay số vào: $A = 3^2 - 2(-7) = 9 + 14 = 23$.

Bài 4

Điều kiện có nghiệm: $\Delta' = 9 - m \geq 0 \Rightarrow m \leq 9$.

Theo Vi-ét: $x_1 + x_2 = 6$ (1) và $x_1 x_2 = m$ (2).

Kết hợp (1) với đề bài $x_1 - x_2 = 4$, ta có hệ phương trình: $x_1 + x_2 = 6$ và $x_1 - x_2 = 4$.

Giải hệ ta được $x_1 = 5, x_2 = 1$. Thay vào (2): $m = 5 \cdot 1 = 5$.

Bài 5

Hai số u và v là nghiệm của phương trình bậc hai: $t^2 - St + P = 0$.

Với $S = 15$ và $P = 56$, ta có phương trình: $t^2 - 15t + 56 = 0$.

Giải phương trình: $\Delta = 225 - 224 = 1$, nghiệm là $t_1 = 8, t_2 = 7$.

Vậy hai số cần tìm là $(8; 7)$ hoặc $(7; 8)$.

Bài 6

Ta có $\Delta = (-m)^2 - 4(m-1) = m^2 - 4m + 4 = (m-2)^2 \geq 0$ với mọi m .

Thay $x = 2$ vào phương trình: $2^2 - m(2) + m - 1 = 0 \Rightarrow 4 - 2m + m - 1 = 0 \Rightarrow m = 3$.

Khi $m = 3$, tổng nghiệm $x_1 + x_2 = 3$. Mà $x_1 = 2$ nên $x_2 = 3 - 2 = 1$.

Bài 7

Theo Vi-ét: $x_1 + x_2 = 2$ và $x_1 x_2 = -(m^2 + 1)$.

Biến đổi $x_1^2 + x_2^2 = 10 \Leftrightarrow (x_1 + x_2)^2 - 2x_1 x_2 = 10$.

Thay vào: $2^2 - 2[-(m^2 + 1)] = 10 \Leftrightarrow 4 + 2m^2 + 2 = 10 \Leftrightarrow 2m^2 = 4$.

Kết quả $m^2 = 2 \Rightarrow m = \pm\sqrt{2}$.

Bài 8

Tính tổng hai nghiệm: $S = (2 + \sqrt{3}) + (2 - \sqrt{3}) = 4$.

Tính tích hai nghiệm: $P = (2 + \sqrt{3})(2 - \sqrt{3}) = 4 - 3 = 1$.

Phương trình bậc hai cần lập có dạng $x^2 - Sx + P = 0$.

Vậy phương trình là $x^2 - 4x + 1 = 0$.

Bài 9

Theo Vi-ét: $x_1 + x_2 = 4$ và $x_1 x_2 = 1$.

$$\text{Biến đổi } B = \frac{x_1^2 + x_2^2}{x_1 x_2} = \frac{(x_1 + x_2)^2 - 2x_1 x_2}{x_1 x_2}.$$

$$\text{Thay số: } B = \frac{4^2 - 2(1)}{1} = 16 - 2 = 14.$$

Bài 10

Theo Vi-ét: $x_1 + x_2 = 5$ và $x_1 x_2 = m + 4$.

$$\text{Biến đổi } x_1^2 x_2 + x_1 x_2^2 = 20 \Leftrightarrow x_1 x_2 (x_1 + x_2) = 20.$$

$$\text{Thay vào: } (m + 4) \cdot 5 = 20 \Rightarrow m + 4 = 4 \Rightarrow m = 0.$$

